

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO
Công khai Tài chính năm 2020

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài Chính – Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Căn cứ Quyết định số 762/QĐ-UBND, ngày 12/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản năm 2020;

Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản báo cáo công khai tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan đến cán bộ viên chức và người lao động như sau:

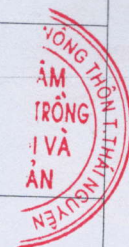
A. NGUỒN KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG

ST T	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2020	Số thực hiện đến 31/12/2020	Ghi chú
I	Nguồn kinh phí không tự chủ năm 2020	7.357.940.530	7.191.065.381	
1	Các khoản đóng góp		61.196.097	
	Bảo hiểm xã hội		45.571.734	
	Bảo hiểm y tế		7.812.297	
	Kinh phí công đoàn		5.207.967	



	Bảo hiểm thất nghiệp		2.604.099	
2	Thanh toán dịch vụ công cộng		129.586.327	
	Tiền điện		127.217.527	
	Tiền nước		2.368.800	
3	VPP, vật tư văn phòng		210.198.000	
4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		33.000.000	
5	Hội nghị		376.051.400	
6	Chi phí thuê mướn		1.006.166.377	
	Thuê phương tiện vận chuyển		83.500.000	
	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước		3.600.000	
	Thuê lao động trong nước		919.066.377	
7	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		1.769.692.000	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng		101.500.000	
	Nhà cửa		1.666.792.000	
	Tài sản và thiết bị văn phòng		1.400.000	
8	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		3.168.840.650	
	Chi mua hàng hóa, vật tư		1.769.620.650	
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		1.387.220.000	
	Chi khác		12.000.000	
9	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		16.000.000	
10	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm, tinh giảm biên chế		420.334.530	
II	Nguồn kinh phí tự chủ năm 2020	3.015.500.000	2.942.500.000	
1	Tiền lương		1.925.944.202	
	Lương theo ngạch, bậc		1.925.944.202	
2	Phụ cấp lương		110.707.000	
	Phụ cấp chức vụ		105.641.000	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		3.427.000	
	Phụ cấp khác		1.639.000	
3	Tiền thưởng		16.986.000	
4	Phúc lợi tập thể		47.860.000	

5	Các khoản đóng góp		474.128.882	
	Bảo hiểm xã hội		353.978.560	
	Bảo hiểm y tế		60.682.038	
	Kinh phí công đoàn		40.213.610	
	Bảo hiểm thất nghiệp		19.254.674	
6	Thanh toán dịch vụ công cộng		143.740.023	
	Tiền điện		47.905.103	
	Tiền nước		36.166.200	
	Tiền nhiên liệu		59.668.720	
7	VPP, vật tư văn phòng		51.884.200	
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		6.368.192	
	Cước phí điện thoại(không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		1.632.195	
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		2.939.997	
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí, thư viện		216.000	
	Khác		1.580.000	
9	Công tác phí		120.000.000	
10	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn		4.765.000	
11	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		6.990.000	
12	Chi khác		33.126.051	
	Chi các khoản phí và lệ phí		4.900.300	
	Chi tiếp khách		19.446.000	
	Chi các khoản khác		8.780.20	
III	Kinh phí hỗ trợ giống gốc	2.500.000.000	2.491.201.473	
	Cộng	12.873.440.530	12.633.481.385	



- Năm 2020 Nhà nước thu hồi nguồn kinh phí tự chủ là: 73.000.000 đồng.
Trong đó:

+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên là: 21.000.000 đồng.


+ Chi khác theo định mức do đơn vị thực hiện tự chủ là: 52.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí không tự chủ: Số tiền cắt giảm theo quyết định phê duyệt dự án hoàn thành của Sở Tài chính và một số chương trình sự nghiệp không sử dụng hết số kinh phí đã giao.


- Nguồn kinh phí hỗ trợ giống gốc còn 8.798.527 đồng do khi đấu thầu mua sắm thức ăn cho gà giá gói thầu đã bị giảm so với dự toán.

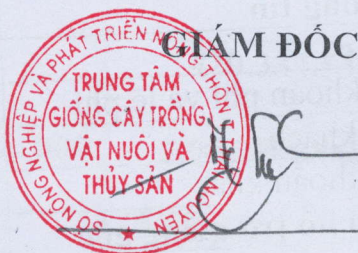
Kết luận: Trong năm 2020 mặc dù tình hình kinh tế còn khó khăn, ngân sách nhà nước hạn chế, các khoản kinh phí cấp theo định mức đều bị cắt giảm. Tuy nhiên, tập thể Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và thủy sản đã cố gắng thực hiện các khoản chi hết sức tiết kiệm, đúng chế độ, định mức quy định. Thực hiện nghiêm túc việc công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho toàn thể cán bộ viên chức và hợp đồng lao động trong cơ quan được biết. Công tác lập, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, đảm bảo đúng theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Trong năm 2021 tình hình kinh phí hoạt động sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Vì thế đòi hỏi mỗi cán bộ viên chức và hợp đồng lao động trong cơ quan cần phát huy tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu, mua sắm hơn nữa. Việc chi tiêu, mua sắm chỉ thực hiện khi thực sự cần thiết cho hoạt động công vụ với chi phí hết sức tiết kiệm. Có như thế cơ quan mới có khoản tiết kiệm từ nguồn khoán chi để tăng thu nhập cho cán bộ viên chức và HĐLĐ nhằm tăng thêm nguồn thu để đảm bảo cuộc sống cho mỗi cán bộ viên chức và HĐLĐ, để cán bộ viên chức và HĐLĐ an tâm, tập trung cho hoạt động và sản xuất.

Trên đây là báo cáo công khai tài chính năm 2020 gửi đến toàn cán bộ viên chức, nhân viên thuộc Trung tâm để biết và giám sát việc sử dụng. 

Nơi nhận:

- Lãnh đạo TT;
- Lưu VT, HCTH. 



Nguyễn Thành Nam